

Số: /TTTP-NV6

Hải Phòng, ngày tháng năm 2025

V/v hướng dẫn kê khai tài sản,
thu nhập năm 2025

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban thuộc Hội đồng nhân dân thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị thuộc thành phố;
- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- Các doanh nghiệp Nhà nước (vốn điều lệ, vốn Nhà nước thuộc thành phố).

Thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 28/02/2022 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập, Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 15/01/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2025. Thanh tra thành phố đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp Nhà nước triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2025 tại đơn vị, địa phương mình, trong đó quan tâm một số nội dung sau:

1. Chỉ đạo rà soát, lập, phê duyệt danh sách, triển khai, hướng dẫn thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập đến các đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập. Gửi danh sách người phải kê khai đã được phê duyệt về Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập có thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 37 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 (Thanh tra thành phố kiểm soát người có nghĩa vụ kê khai theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Quy chế phối hợp ban hành kèm theo Quyết định số 56-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị).

2. Đối tượng thuộc diện kê khai tài sản, thu nhập lần đầu, kê khai bổ sung, kê khai phục vụ công tác cán bộ và kê khai hằng năm quy định tại Điều 36 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đảm bảo trung thực, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định pháp luật.

Bản kê khai theo mẫu tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP. Thời gian hoàn thành nộp bản kê khai về cơ quan, đơn vị quản lý **chậm nhất ngày 31/12/2025**.

3. Trình tự, thủ tục tổ chức việc kê khai, tiếp nhận, quản lý, sao, nộp, bàn giao bản kê khai thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 38 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

4. Thực hiện công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai.

Việc công khai thực hiện đúng trình tự, thủ tục, hình thức, thời gian theo quy định tại Điều 39 Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và Điều 11 Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ.

5. Về việc gửi danh sách, giao nộp bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 về Thanh tra thành phố:

- Danh sách đối tượng kê khai tài sản, thu nhập năm 2025 đã được phê duyệt gửi về Thanh tra thành phố **trước ngày 10/12/2025**.

- Giao nộp bản kê khai lần đầu (đối với người mới được tiếp nhận, tuyển dụng, bổ trí vào vị trí công tác), kê khai phục vụ công tác cán bộ, kê khai hằng năm, kê khai bổ sung năm 2025 về Thanh tra thành phố (có lịch cụ thể sau).

6. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập tại đơn vị, địa phương mình, gửi qua Thanh tra thành phố **trước ngày 01/3/2026** để tổng hợp chung (*Đề cương báo cáo theo Phụ lục 02 gửi kèm*). Bản mềm báo cáo (định dạng word) gửi về địa chỉ email: phongchongthamhungnv4@outlook.com.vn.

7. Gửi thông tin 01 cán bộ đầu mối phụ trách công tác kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập tại đơn vị về Thanh tra thành phố **trước ngày 23/10/2025** (theo Phụ lục 01 gửi kèm).

Mọi thắc mắc, liên hệ Phòng Nghiệp vụ 6 (đ/c Nguyễn Duy Tùng – Thanh tra viên, số điện thoại: 0971.171.171), Thanh tra thành phố để được hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND TP (để b/c);
- Lãnh đạo Thanh tra thành phố;
- PCVP Hoàng Anh;
- Lưu: VT, Phòng Nghiệp vụ 6.

**KT.CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**

Nguyễn Đình Phương

**DANH SÁCH: CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ GỬI HƯỚNG DẪN KÊ
KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025**

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
I	KHỐI SỞ, NGÀNH
1	Sở Tư Pháp
2	Sở Nội vụ
3	Thanh tra thành phố
4	Sở Tài Chính
5	Sở Công Thương
6	Sở Y tế
7	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
9	Sở Xây dựng
10	Ban Quản lý Khu Kinh tế
11	Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Sở Ngoại vụ
14	Văn phòng UBND thành phố
15	Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND thành phố
16	Ban Pháp chế HĐND thành phố
17	Ban Văn hóa - Xã hội HĐND thành phố
18	Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố
19	Ban Đô thị HĐND thành phố
II	KHỐI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC THÀNH PHỐ
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông và nông nghiệp Hải Phòng
2	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và hạ tầng Hải Phòng
3	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Tây Hải Phòng
4	Ban Quản lý dự án khu vực Hồng Bàng
5	Ban Quản lý dự án khu vực Ngô Quyền
6	Ban Quản lý dự án khu vực Lê Chân
7	Ban Quản lý dự án khu vực Kiến An
8	Ban Quản lý dự án khu vực Hải An
9	Ban Quản lý dự án khu vực Đồ Sơn
10	Ban Quản lý dự án khu vực Dương Kinh
11	Ban Quản lý dự án khu vực An Dương
12	Ban Quản lý dự án khu vực Thủy Nguyên

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
13	Ban Quản lý dự án khu vực An Lão
14	Ban Quản lý dự án khu vực Kiến Thụy
15	Ban Quản lý dự án khu vực Tiên Lãng
16	Ban Quản lý dự án khu vực Vĩnh Bảo
17	Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Hải Phòng
18	Trường Đại học Hải Phòng
19	Vườn Quốc gia Cát Bà
20	Trường Cao đẳng Y tế Hải Phòng
21	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Hải Phòng
22	Trường Đại học Hải Dương
23	Trường Cao đẳng nghề Hải Dương
24	Trường Cao đẳng Kinh tế Hải Phòng
III	KHỐI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC THUỘC THÀNH PHỐ
1	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi An Hải
2	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Đa Độ
3	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Thủy Nguyên
4	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Tiên Lãng
5	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Vĩnh Bảo
6	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương
7	Công ty TNHH MTV Thoát nước Hải Phòng
8	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng
9	Công ty TNHH MTV Quản lý và Kinh doanh Nhà
10	Công ty TNHH MTV Xổ Số kiến thiết Hải Phòng
11	Công ty TNHH MTV Xổ Số kiến thiết Hải Dương
12	Cty TNHH MTV thương mại đầu tư và phát triển đô thị
13	Cty TNHH MTV Khu công nghiệp Lai Vu
14	Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Quý Cao
15	Công ty TNHH MTV Giống gia súc Hải Dương
16	Công ty Xuất nhập khẩu Hải Phòng
17	Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Hải Phòng
18	Công ty Thương mại Dịch vụ Hải Dương
19	Công ty cổ phần Cấp nước Hải Phòng
20	Công ty cổ phần Điện chiếu sáng Hải Phòng
21	Công ty cổ phần Công trình công cộng và xây dựng
22	Công ty cổ phần Đường bộ Hải Phòng
23	Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch
24	Công ty cổ phần Công viên cây xanh
25	Công ty Cổ phần Nước sạch và vệ sinh nông thôn tỉnh Hải Dương
26	Công ty Cổ phần Kinh doanh nước sạch Hải Dương
27	Công ty Cổ phần Phục vụ mai táng Hải Phòng

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
28	Công ty Cổ phần Đảm bảo giao thông đường thủy Hải Phòng
29	Công ty Cổ phần Bến xe Hải Phòng
30	Công ty TNHH Tư vấn và Thẩm định giá Hải Phòng
31	Công ty Cổ phần Cấp nước An Lão
32	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Đình Vũ
33	Công ty phát triển Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng
34	Công ty cổ phần Cấp điện và hệ thống LS Vina
35	Công ty xi măng chinfon
36	Công ty Liên doanh Khu công nghiệp Đồ Sơn
37	Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương
38	Công ty TNHH TM Quốc tế Hải Phòng
39	Công ty cổ phần Công nghệ và thiết bị Tiên Phong
40	Công ty cổ phần Thanh Niên
41	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư và xây dựng Hải Phòng
42	Công ty Cổ phần Cung ứng tàu biển Hải Phòng
43	Công ty Xi măng Phúc Sơn
44	Công ty Cổ phần Truyền hình cáp Hải Dương
45	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hải Dương
46	Công ty Liên doanh Hải Thành
IV	KHỐI UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG, ĐẶC KHU
1	Phường Ái Quốc
2	Phường An Biên
3	Phường An Dương
4	Phường An Hải
5	Xã An Hưng
6	Xã An Khánh
7	Xã An Lão
8	Phường An Phong
9	Xã An Phú
10	Xã An Quang
11	Xã An Thành
12	Xã An Trường
13	Phường Bắc An Phụ
14	Xã Bắc Thanh Miện
15	Phường Bạch Đằng
16	Đặc khu Bạch Long Vĩ
17	Xã Bình Giang
18	Xã Cẩm Giang
19	Xã Cẩm Giàng
20	Đặc khu Cát Hải
21	Xã Chấn Hưng
22	Phường Chí Linh
23	Xã Chí Minh

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
24	Phường Chu Văn An
25	Xã Đại Sơn
26	Phường Đồ Sơn
27	Phường Đông Hải
28	Xã Đường An
29	Phường Dương Kinh
30	Xã Gia Lộc
31	Xã Gia Phúc
32	Phường Gia Viên
33	Xã Hà Bắc
34	Xã Hà Đông
35	Xã Hà Nam
36	Xã Hà Tây
37	Phường Hải An
38	Phường Hải Dương
39	Xã Hải Hưng
40	Phường Hòa Bình
41	Phường Hồng An
42	Phường Hồng Bàng
43	Xã Hồng Châu
44	Xã Hợp Tiến
45	Phường Hưng Đạo
46	Xã Hùng Thắng
47	Xã Kê Sặt
48	Xã Khúc Thừa Dụ
49	Phường Kiến An
50	Xã Kiến Hải
51	Xã Kiến Hưng
52	Xã Kiến Minh
53	Xã Kiến Thụy
54	Xã Kim Thành
55	Phường Kinh Môn
56	Xã Lạc Phụng
57	Xã Lai Khê
58	Phường Lê Chân
59	Phường Lê Đại Hành
60	Phường Lê Ích Mộc
61	Phường Lê Thanh Nghị
62	Phường Lưu Kiếm
63	Xã Mao Điền
64	Xã Nam An Phụ
65	Phường Nam Đồ Sơn
66	Phường Nam Đồng

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
67	Xã Nam Sách
68	Xã Nam Thanh Miện
69	Phường Nam Triệu
70	Xã Nghi Dương
71	Phường Ngô Quyền
72	Xã Nguyễn Bình Khiêm
73	Phường Nguyễn Đại Nãi
74	Xã Nguyên Giáp
75	Xã Nguyễn Lương Bằng
76	Phường Nguyễn Trãi
77	Phường Nhị Chiểu
78	Xã Ninh Giang
79	Phường Phạm Sư Mạnh
80	Phường Phù Liễn
81	Xã Phú Thái
82	Xã Quyết Thắng
83	Xã Tân An
84	Phường Tân Hưng
85	Xã Tân Kỳ
86	Xã Tân Minh
87	Phường Thạch Khê
88	Xã Thái Tân
89	Phường Thành Đông
90	Xã Thanh Hà
91	Xã Thanh Miện
92	Phường Thiên Hương
93	Xã Thượng Hồng
94	Phường Thủy Nguyên
95	Xã Tiên Lãng
96	Xã Tiên Minh
97	Phường Trần Hưng Đạo
98	Phường Trần Liễu
99	Phường Trần Nhân Tông
100	Xã Trần Phú
101	Xã Trường Tân
102	Xã Tứ Kỳ
103	Phường Tứ Minh
104	Xã Tuệ Tĩnh
105	Phường Việt Hòa
106	Xã Việt Khê
107	Xã Vĩnh Am
108	Xã Vĩnh Bảo
109	Xã Vĩnh Hải

STT	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
110	Xã Vĩnh Hòa
111	Xã Vĩnh Lại
112	Xã Vĩnh Thịnh
113	Xã Vĩnh Thuận
114	Xã Yết Kiêu

**PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN CÁN BỘ PHỤ TRÁCH CÔNG TÁC KÊ
KHAI, CÔNG KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**

(Kèm theo Công văn số /TTTP-NV6 ngày tháng năm 2025)

STT	Họ tên	Chức vụ	Số điện thoại

**PHỤ LỤC 02: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KÊ KHAI, CÔNG
KHAI BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP NĂM 2025**

(Kèm theo Công văn số/TTTP-NV6 ngày tháng năm 2025)

Cơ quan, tổ chức, đơn vị **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai bản
kê khai tài sản, thu nhập năm 2025**

**1. Việc chỉ đạo, triển khai, tổ chức thực hiện kê khai, công khai bản
kê khai tài sản, thu nhập.**

- Công tác truyền thông, quán triệt các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập;

- Các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, triển khai thực hiện đã ban hành.

2. Kết quả thực hiện.

- Kết quả kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
I	Kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	Người	
4	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập hằng năm	Người	
5	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
6	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập bổ sung	Người	
7	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (trong năm 2025)	Người	
8	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập lần đầu (trong năm 2025)	Người	
9	Số người phải kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ (trong năm 2025)	Người	

TT	NỘI DUNG	ĐV	SỐ LIỆU
10	Số người đã kê khai tài sản, thu nhập phục vụ công tác cán bộ (trong năm 2025)	Người	
II	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập		
1	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã tổ chức thực hiện việc công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
2	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện hoặc chưa được tổng hợp kết quả trong báo cáo này	CQTCĐV	
	Tỷ lệ so với tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị	%	
3	Số bản kê khai đã được công khai	Bản KK	
	tỷ lệ% so với tổng số bản kê khai	%	
4	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức niêm yết	Bản KK	
	tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai	%	
5	Số bản kê khai đã công khai theo hình thức công bố tại cuộc họp	Bản KK	
	tỷ lệ% so với số bản kê khai đã công khai	%	

- Kết quả khác (nếu có).

3. Đánh giá chung và kiến nghị

- Thuận lợi, khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện; giải pháp đề chủ động hoặc đề xuất giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc.

- Những nội dung quy định cần hướng dẫn cụ thể hơn.

- Các kiến nghị khác./.